

QUYẾT ĐỊNH

Công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi NSNN năm 2023 áp dụng thống nhất trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán NSNN năm 2024 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-VKSTC ngày 20/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng VKSND tỉnh Tây Ninh, Viện trưởng VKSND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- VKSND tối cao (để b/cáo);
- Đ/c VT-VKS tỉnh (để b/cáo);
- VP, VKSND các huyện, thị xã, thành phố (để t/hiện);
- Lưu: VP, KT.

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phan Văn Ne

VIỆN KSND TỐI CAO
VIỆN KSND TỈNH TÂY NINH

CÔNG KHAI CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số 1200/QĐ-VKS ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Viện trưởng VKSND tỉnh Tây Ninh)

DVT: Đồng

S T T	Đơn vị	Quản lý hành chính (340-341)			Đào tạo bồi dưỡng CB (070-085)	Tổng cộng
		Tổng	Kinh phí thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
1	2	3=4+5	4	5	6	7=3+6
01	VKSND huyện Bến Cầu	35.000.000	35.000.000			35.000.000
02	VKSND huyện Châu Thành	41.500.000	41.500.000			41.500.000
03	VKSND huyện D.M.Châu	31.400.000	31.400.000			31.400.000
04	VKSND huyện Gò Dầu	47.300.000	47.300.000			47.300.000
05	VKSND thị xã Hòa Thành	41.100.000	41.100.000			41.100.000
06	VKSND huyện Tân Biên	41.600.000	41.600.000			41.600.000
07	VKSND huyện Tân Châu	41.900.000	41.900.000			41.900.000
08	VKSND thị xã Trảng Bàng	47.900.000	47.900.000			47.900.000
09	VKSND thành phố Tây Ninh	47.000.000	47.000.000			47.000.000
10	Văn phòng VKSND Tỉnh	172.300.000	172.300.000			172.300.000
Tổng cộng:		547.000.000	547.000.000	0	0	547.000.000



KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phan Văn Ne

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

TỔNG HỢP CÔNG KHAI CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số 1200/QĐ-VKS ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Viện trưởng VKSND tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Đồng

SST	NỘI DUNG	Tổng số cắt giảm, tiết kiệm	Tổng số đã cắt giảm, tiết kiệm
1	2	3	4
A	Tổng số thu, chi, nộp NSNN, phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Lệ phí		
2	Phí		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
1	Lệ phí		
2	Phí		
B	Dự toán chi NSNN	547.000.000	547.000.000
I	Nguồn Ngân sách trong nước	547.000.000	547.000.000
1	Chi quản lý hành chính	547.000.000	547.000.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	547.000.000	547.000.000
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
a	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
b	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
c	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
5	Chi đảm bảo xã hội		
6	Chi hoạt động kinh tế		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
II	Nguồn vốn viện trợ		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài		

